

Số: 1513/2020/QĐST - HNGĐ

*Gò Vấp, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1401/2020/HNST ngày 04 tháng 11 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú : Số 4 đường TM, khu phố 3, phường Tr, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: Số 5 đường L, phường 1, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa anh chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Tuấn A là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường 1, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 27/10/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/11/2020, chị Th và anh Tuấn A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, anh Tuấn A và chị Thúy có 02 con chung. Anh Tuấn A là người trực tiếp nuôi con, chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 5.000.000 đồng mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 12/2020 cho đến khi 02 trẻ N và Nh đủ 18 tuổi và thỏa thuận về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương Th thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Tuấn A thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường 1, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Th và anh Tuấn A vào ngày 10/10/2015 không còn hiệu lực).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 17/9/2014 và Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 20/5/2016. Anh Nguyễn Tuấn Anh trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ và chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2020 cho đến khi 02 trẻ N và Nh tròn 18 tuổi .

Kể từ ngày anh Tuấn A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Th không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng chị Th còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp Phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Th và anh Tuấn A phải chịu tiền lệ phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0027283 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV. Chị Thúy và anh Tuấn Anh đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND Q.GV, TP.HCM;
- UBND Phường 1, quận GV, TPHCM;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký và đóng dấu)**